|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã usecase | Tên usecase | Mô tả |
| UC01 | Đăng nhập | Người dùng đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng của hệ thống. |
| UC02 | Đăng xuất | Người dùng đăng xuất tài khoản ra khỏi hệ thống. |
| UC03 | Đổi mật khẩu | Người dùng thay đổi mật khẩu khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. |
| UC04 | Tạo lập hóa đơn | Chủ trọ tạo hóa đơn, xem hóa đơn và thay đổi trạng thái hóa đơn. |
| UC05 | Xem hóa đơn | Khách hàng xem hóa đơn của phòng mình. |
| UC06 | Xem thu chi | Chủ trọ xem thu chi nhà trọ theo tháng hoặc năm. |
| UC07 | Gửi yêu cầu sửa chữa | Khách hàng gửi yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất đến chủ trọ |
| UC08 | Xử lý yêu cầu sửa chữa | Chủ trọ xem các yêu cầu sửa chữa và có thể thay đổi trạng thái yêu cầu. |
| UC09 | Tạo thông báo | Chủ trọ tạo thông báo gửi đến tất cả phòng trọ. |
| UC10 | Xem thông báo | Khách hàng xem các thông báo chủ trọ gửi đến mình |
| UC11 | Quản lý thông tin phòng | Chủ trọ có thể xem, tạo, sửa, xóa thông tin phòng trọ. |
| UC12 | Xem thông tin phòng | Khách hàng xem thông tin phòng trọ của bản thân. |
| UC13 | Quản lý tài khoản phòng | Chủ trọ có thể xem, tạo, sửa, xóa thông tin tài khoản phòng trọ. |
| UC14 | Quản lý thông tin khách hàng | Chủ trọ có thể xem, tạo, sửa thông tin khách hàng. |
| UC15 | Xem thông tin khách hàng | Khách hàng có thể xem thông tin các thành viên trong phòng trọ của mình. |
| UC16 | Quản lý thông tin thiết bị | Chủ trọ có thể xem, tạo, sửa, xóa thông tin các thiết bị có trong nhà trọ. |
| UC17 | Xem, tạo, xóa yêu cầu công việc | Khách hàng, chủ trọ có thể xem, tạo, xóa dịch vụ công việc. |
| UC18 | Quản lý dịch vụ | Chủ trọ quản lý các dịch vụ mà nhà trọ kết hợp với bên dịch vụ. |
| UC19 | Xem danh sách dịch vụ | Khách hàng xem danh sách dịch vụ mà đối tác nhà trọ cung cấp để thuận lợi trong việc tạo yêu cầu công việc. |
| UC20 | Xem công việc | Nhân viên xem các yêu cầu công việc mà chủ trọ, khách hàng tạo. |
| UC21 | Nhận công việc | Nhân viên có thể nhận các công việc sau khi xem. |
| UC22 | Xem công việc đã nhận | Nhân viên có thể xem các công việc bản thân đã nhận |
| UC23 | Báo cáo hoàn thành | Sau khi hoàn thành công việc nhân viên có thể đổi trạng thái công việc thành hoàn thành |
| UC24 | Xem lương | Nhân viên có thể xem lương bản thân |
| UC25 | Quản lý thông tin nhân viên | Chủ trọ có thể xem, tạo, sửa thông tin nhân viên. |
| UC26 | Xem thông tin nhân viên | Nhân viên có thể xem thông tin của bản thân |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC01. | |
| **Tên usecase** | Đăng nhập. | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã được cấp tài khoản. | |
| **Mô tả** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống để sử dụng các chức năng của hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ, nhân viên, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Tài khoản người dùng đã được đăng ký trên hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng đăng nhập thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng vào website của hệ thống  2. Người dùng nhập username và password.  3. Người dùng ấn nút “Login”. | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập.  3.1. Hệ thống hiển thị các chức năng của người dùng. |
| **Ngoại lệ** | Người dùng nhập sai username và password, hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC02. | |
| **Tên usecase** | Đăng xuất. | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Người dùng đăng xuất tài khoản ra khỏi hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ, nhân viên, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Đăng xuất khỏi hệ thống. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng đăng xuất thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn biểu tượng | 1.1. Hệ thống hiển thị lại trang đăng nhập. |
| **Ngoại lệ** | Không. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC03. | |
| **Tên usecase** | Thay đổi mật khẩu. | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Người dùng thay đổi mật khẩu khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ, nhân viên, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Thay đổi mật khẩu. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng thay đổi mật khẩu thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn biểu tượng .  2. Người dùng nhập mật khẩu cũ, mật khẩu mới, xác nhận mật khẩu mới.  3. Người dùng nhấn nút “Save change”. | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện thay đổi mật khẩu.  3.1. Mật khẩu mới được cập nhật thành công trên hệ thống. |
| **Ngoại lệ** | + Nhập mật khẩu cũ không chính xác.  + Nhập khẩu mới và xác nhận mật khẩu mới không trùng khớp. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC05. | |
| **Tên usecase** | Xem hóa đơn | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Khách hàng, chủ trọ xem hóa đơn của phòng. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng, chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xem hóa đơn. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Xem hóa đơn thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn mục “Receipt” .  2A. Khách hàng nhập năm, tháng và chọn “view”  2B. Khách hàng nhập năm, tháng, phòng và chọn “view” | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện hóa đơn của phòng.  2.1. Hệ thống hiện hóa đơn. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC04. | |
| **Tên usecase** | Tạo lập hóa đơn | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Chủ trọ tạo hóa đơn cho phòng trọ và được gửi tự động đến phòng trọ | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tạo lập hóa đơn. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Tạo hóa đơn thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ chọn mục “Receipt”.  2. Chủ trọ chọn mục “Add”.  3. Chủ trọ nhập đầy đủ thông tin và ấn nút “Create”. | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện hóa đơn.  2.1. Hệ thống hiện trang tạo hóa đơn.  3.1. Hệ thống quay lại giao diện hóa đơn |
| **Ngoại lệ** | + Nhập thiếu thông tin. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC06. | |
| **Tên usecase** | Xem thu chi | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Chủ trọ xem thu chi của nhà trọ | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xem thu chi nhà trọ. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Xem thu chi thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ ấn vào mục “Revenue”.  2. Chủ trọ nhập tháng và năm muốn xem(nếu muốn xem thu chi của năm thì không nhập tháng) và ấn vào “view” | 1.1. Hệ thống hiển thị giao diện Revenue.  2.1. Hệ thống hiện số liệu thu và chi. Nếu chủ trọ xem theo năm hệ thống hiện biểu đồ. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC08. | |
| **Tên usecase** | Xử lý yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất | |
| **Ngữ cảnh** | Xử lý yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất trong hệ thống | |
| **Mô tả** | Chủ trọ xử lý yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất đến chủ trọ. | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xử lý yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Chủ trọ chỉnh sửa trạng thái thành công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ nhấn vào nút “Repair” trên thanh menu  2. Chủ trọ nhấn nút”Accept” trên một yêu cầu.  3. Chọn “Yes”.  4. Nhấn nút “Finish” sau khi hoàn thành xử lý  5. Nhập chi phí và ấn “Finish” | 1.1. Hệ thống chuyển đến mục các yêu cầu sửa chữa.  2.1. Hiện lên thông báo xác nhận.  3.1. Hệ thống chuyển đến mục các yêu cầu sửa chữa  4.1. Hiện lên thông báo nhập chi phí sửa chữa.  5.1. Hệ thống hiện thông báo và chuyển đến mục các yêu cầu sửa chữa |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC09. | |
| **Tên usecase** | Tạo thông báo | |
| **Ngữ cảnh** | Chủ trọ tạo thông báo | |
| **Mô tả** | Chủ trọ tạo thông báo gửi tự động đến tất cả phòng trọ | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Tạo thông báo. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Tạo hóa đơn thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ nhấn vào nút “Notifications” trên thanh menu.  2. Chủ trọ nhấn nút “Add”.  3. Chủ trọ nhập tiêu đề và nội dung thông báo và nhấn nút “Save changes”. | 1.1. Hệ thống chuyển đến mục thông báo  2.1. Hiện lên form tạo thông báo  3.1. Lưu thông thông báo trong CSDL và gửi đến các tài khoản khách trọ |
| **Ngoại lệ** | + Nhập thiếu thông tin. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC07. | |
| **Tên usecase** | Gửi yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất | |
| **Ngữ cảnh** | Gửi yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất trong hệ thống | |
| **Mô tả** | Khách hàng gửi yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất đến chủ trọ. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Gửi yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Khách hàng truy cập vào được website.  + Khách hàng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng gửi yêu cầu sửa chữa cơ sở vật chất thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn chức năng “Repair”  2. Người dùng chọn “Add new”  3. Người dùng nhập đầy đủ thông tin  4. Nhấn nút “Create” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện các yêu cầu  2.1 Hệ thống hiển thị giao diện thêm yêu cầu  4.1 Yêu cầu được tạo và gửi đến chủ trọ. |
| **Ngoại lệ** | 4.2 Người dùng nhập vào yêu cầu không hợp lệ hoặc yêu cầu rỗng  => Hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC11. | |
| **Tên usecase** | Quản lý thông tin phòng | |
| **Ngữ cảnh** | Chủ trọ quản lý thông tin phòng trọ | |
| **Mô tả** | Chủ trọ có thể xem, xóa, sửa, tạo thông tin phòng trọ | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý thông tin phòng trọ | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Chủ trọ quản lý thông tin phòng thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ chọn “Rooms”  2a. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”cây bút”  để chỉnh sửa.  2b. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”thùng rác”  để xóa.  2c. Chủ trọ ấn vào nút “Add” để tạo thông tin phòng mới.  3a. Chủ trọ chỉnh sửa thông tin và ấn “Save”  3b. Chủ trọ ấn “Delete” để xác nhận xóa  3c. Chủ trọ nhập thông tin và ấn “Create” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách thông tin các phòng.  2a.1. Hệ thống hiển thị thông tin của phòng để chỉnh sửa.  2b.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa.  2c.1. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin mới.  3a.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo chỉnh sửa thành công.  3b.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo xóa thành công.  3c.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo tạo thành công. |
| **Ngoại lệ** | 2a. Nhập thông tin sai  2c. Nhập thông tin sai | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC13. | |
| **Tên usecase** | Quản lý tài khoản phòng | |
| **Ngữ cảnh** | Chủ trọ quản lý tài khoản phòng trọ | |
| **Mô tả** | Chủ trọ có thể xem, xóa, sửa, tạo tài khoản phòng trọ | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý tài khoản phòng trọ | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Chủ trọ quản lý tài khoản phòng thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ chọn “Accounts”  2a. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”cây bút”  để chỉnh sửa.  2b. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”thùng rác”  để xóa.  2c. Chủ trọ ấn vào nút “Add” để tạo thông tin tài khoản mới.  3a. Chủ trọ chỉnh sửa thông tin và ấn “Update”  3b. Chủ trọ ấn “Delete” để xác nhận xóa  3c. Chủ trọ nhập thông tin và ấn “Create” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách thông tin các tài khoản phòng.  2a.1. Hệ thống hiển thị thông tin của tài khoản để chỉnh sửa.  2b.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa.  2c.1. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin mới.  3a.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo chỉnh sửa thành công.  3b.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo xóa thành công.  3c.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo tạo thành công. |
| **Ngoại lệ** | 2a. Nhập thông tin sai  2c. Nhập thông tin sai | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC14. | |
| **Tên usecase** | Quản lý thông tin khách hàng | |
| **Ngữ cảnh** | Chủ trọ quản lý thông tin khách hàng | |
| **Mô tả** | Chủ trọ có thể xem, sửa, tạo thông tin khách hàng | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý thông tin khách hàng | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Chủ trọ quản lý thông tin khách hàng thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ chọn “Customers”  2a. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”cây bút”  để chỉnh sửa.  2b. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”mắt”  để xem thông tin.  2c. Chủ trọ ấn vào nút “Add customer” để tạo thông tin khách hàng mới.  3a. Chủ trọ chỉnh sửa thông tin và ấn “Save”  3b. Chủ trọ ấn “Close” để đóng trang thông tin.  3c. Chủ trọ nhập thông tin và ấn “Create” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách thông tin khách hàng.  2a.1. Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng để chỉnh sửa.  2b.1. Hệ thống hiển thị thông tin khách hàng.  2c.1. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin khách hàng mới.  3a.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo chỉnh sửa thành công.  3c.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo tạo thành công. |
| **Ngoại lệ** | 2a. Nhập thông tin sai  2c. Nhập thông tin sai | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC16. | |
| **Tên usecase** | Quản lý thông tin thiết bị | |
| **Ngữ cảnh** | Chủ trọ quản lý thông tin thiết bị | |
| **Mô tả** | Chủ trọ có thể xem, sửa, xóa, tạo thông tin thiết bị | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý thông tin thiết bị | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Chủ trọ quản lý thông tin thiết bị thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ chọn “Devices”  2a. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”cây bút”  để chỉnh sửa.  2b. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”thùng rác”  để xóa.  2c. Chủ trọ ấn vào nút “Add” để tạo thông tin thiết bị mới.  3a. Chủ trọ chỉnh sửa thông tin và ấn “Save”  3b. Chủ trọ ấn “Delete” để xác nhận xóa  3c. Chủ trọ nhập thông tin và ấn “Add” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách thông tin các thiết bị.  2a.1. Hệ thống hiển thị thông tin của thiết bị để chỉnh sửa.  2b.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa.  2c.1. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin mới.  3a.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo chỉnh sửa thành công.  3b.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo xóa thành công.  3c.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo tạo thành công. |
| **Ngoại lệ** | 2a. Nhập thông tin sai  2c. Nhập thông tin sai | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC10. | |
| **Tên usecase** | Xem thông báo | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Khách hàng xem thông báo. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xem thông báo. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Xem thông báo thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn “Nofitication”  2. Người dùng chọn thông báo cần đọc và ấn “Detail” để xem toàn bộ nội dung. | 1.1. Hệ thống hiện danh sách thông báo  2.1. Hệ thống hiện trang toàn bộ thông báo |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC12. | |
| **Tên usecase** | Xem thông tin phòng. | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Khách hàng xem thông tin phòng. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xem thông tin phòng. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Xem thông tin phòng thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Khách hàng chọn “My Room” | 1.1. Hệ thống hiện thông tin phòng mà khách hàng đang sử dụng |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC15. | |
| **Tên usecase** | Xem thông tin khách hàng. | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Khách hàng xem thông tin khách hàng. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Xem thông tin phòng. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Xem thông tin khách hàng thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Khách hàng chọn “My Infor” | 1.1. Hệ thống hiện thông tin các khách hàng đang ở trong phòng. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC17. | |
| **Tên usecase** | Xem, tạo, xóa yêu cầu công việc | |
| **Ngữ cảnh** | Trên website khi đã đăng nhập tài khoản vào hệ thống. | |
| **Mô tả** | Chủ trọ, khách hàng yêu cầu các công việc dịch vụ. | |
| **Tác nhân** | Khách hàng, chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Chủ trọ, khách hàng yêu cầu các công việc dịch vụ. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Người dùng xem, tạo, hủy yêu cầu công việc thanh công. | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn “Jobs”  2a. Người dùng ấn ”Cancel” để hủy.  2b. Người dùng ấn vào nút “Add” để tạo dịch vụ mới.  3a. Người dùng ấn “Delete” để hủy yêu cầu.  3b. Người dùng nhập thông tin và ấn “Create” | 1.1. Hệ thống hiện trang yêu cầu công việc.  2a.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa.  2b.1. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin dịch vụ mới.  3a.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo xóa thành công.  3b.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo tạo thành công. |
| **Ngoại lệ** | + Nhập sai thông tin | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC18. | |
| **Tên usecase** | Quản lý dịch vụ | |
| **Ngữ cảnh** | Chủ trọ quản lý các dịch vụ mà nhà trọ hợp tác với bên dịch vụ. | |
| **Mô tả** | Chủ trọ có thể xem, tạo, sửa, xóa các dịch vụ. | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Chủ trọ quản lý các dịch vụ mà nhà trọ hợp tác với bên dịch vụ. | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Quản lý dịch vụ thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ chọn “Services”  2a. Chủ trọ ấn ”Edit” để chỉnh sửa.  2b. Chủ trọ ấn ”Delete” để xóa.  2c. Chủ trọ ấn vào nút “Add” để tạo dịch vụ mới.  3a. Chủ trọ chỉnh sửa thông tin và ấn “Update”  3b. Chủ trọ ấn “Delete” để xác nhận xóa dịch vụ.  3c. Chủ trọ nhập thông tin và ấn “Create” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách các dịch vụ.  2a.1. Hệ thống hiển thị thông tin dịch vụ để chỉnh sửa.  2b.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận xóa.  2c.1. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin dịch vụ mới.  3a.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo chỉnh sửa thành công.  3b.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo xóa thành công.  3c.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo tạo thành công. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC20. | |
| **Tên usecase** | Xem công việc | |
| **Ngữ cảnh** | Nhân viên có nhu cầu xem công việc | |
| **Mô tả** | Nhân viên xem công việc | |
| **Tác nhân** | Nhân viên | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Nhân viên có nhu cầu xem công việc | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Nhân viên truy cập vào được website.  + Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Chủ trọ tạo công việc thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên chọn “Jobs” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách các yêu cầu công việc. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC19. | |
| **Tên usecase** | Xem danh sách dịch vụ | |
| **Ngữ cảnh** | Khách hàng, nhân viên xem các dịch vụ được nhà trọ cung cấp | |
| **Mô tả** | Khách hàng, nhân viên xem các dịch vụ được nhà trọ cung cấp | |
| **Tác nhân** | Nhân viên, khách hàng | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Khách hàng, nhân viên xem các dịch vụ được nhà trọ cung cấp | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Người dùng truy cập vào được website.  + Người dùng đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Khách hàng, nhân viên xem các dịch vụ được nhà trọ cung cấp thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Người dùng chọn “Jobs”  2. Người dùng chọn “Service price list” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách các công việc.  2.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách các dịch vụ. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC21. | |
| **Tên usecase** | Nhận công việc | |
| **Ngữ cảnh** | Nhân viên nhận các công việc | |
| **Mô tả** | Nhân viên nhận các công việc đã được chủ trọ xác nhận | |
| **Tác nhân** | Nhân viên | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Nhân viên nhận các công việc đã được chủ trọ xác nhận | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Nhân viên truy cập vào được website.  + Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống.  + Nhân viên đã vào được trang xem công việc đã được chủ tọ xác nhận | |
| **Kết quả** | Nhân viên nhận công việc thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên chọn “Receive”  2. Nhận viên chọn “Receive” để xác nhận nhận công việc | 1.1. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận.  2.1. Hệ thống lưu vào cơ sơ dữ liệu và quay về trang “My Job” và hiện thông báo nhận việc thành công. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC22. | |
| **Tên usecase** | Xem công việc đã nhận | |
| **Ngữ cảnh** | Nhân viên xem các công việc mà bản thân đã nhận | |
| **Mô tả** | Nhân viên xem các công việc mà bản thân đã nhận | |
| **Tác nhân** | Nhân viên | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Nhân viên xem các công việc mà bản thân đã nhận | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Nhân viên truy cập vào được website.  + Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Nhân viên xem các công việc thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên chọn “My Job” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách các công việc đã nhận. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC23. | |
| **Tên usecase** | Báo cáo công việc | |
| **Ngữ cảnh** | Nhân viên báo cáo sau khi hoàn thành công việc | |
| **Mô tả** | Nhân viên báo cáo sau khi hoàn thành công việc | |
| **Tác nhân** | Nhân viên | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Nhân viên báo cáo sau khi hoàn thành công việc | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Nhân viên truy cập vào được website.  + Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống.  + Nhân viên đã vào được trang xem công việc đã nhận | |
| **Kết quả** | Nhân viên báo cáo thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên chọn “Finish”  2. Nhân viên chọn “Yes” để xác nhận | 1.1. Hệ thống hiện thông báo xác nhận  2.1. Hệ thống lưu thông tin và hiện thông báo. |
| **Ngoại lệ** | Không | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC24. | |
| **Tên usecase** | Xem lương | |
| **Ngữ cảnh** | Nhân viên muốn xem lương của bản thân | |
| **Mô tả** | Nhân viên xem lương của bản thân | |
| **Tác nhân** | Nhân viên | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Nhân viên xem lương | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Nhân viên truy cập vào được website.  + Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Nhân viên xem lương thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên chọn “Salary”  2. Nhân viên nhập lương năm và tháng muốn xem (nếu muốn xem lương theo năm thì không nhập tháng) | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện xem lương.  2.1. Hệ thống trả về lương của nhân viên |
| **Ngoại lệ** | +Nhập năm sai. | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC25. | |
| **Tên usecase** | Quản lý thông tin nhân viên | |
| **Ngữ cảnh** | Chủ trọ quản lý thông tin nhân viên | |
| **Mô tả** | Chủ trọ có thể xem, sửa, tạo thông tin nhân viên | |
| **Tác nhân** | Chủ trọ | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Quản lý thông tin nhân viên | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Chủ trọ truy cập vào được website.  + Chủ trọ đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Chủ trọ quản lý thông tin nhân viên thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Chủ trọ chọn “Staff”  2a. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”cây bút”  để chỉnh sửa.  2b. Chủ trọ ấn vào biểu tượng ”mắt”  để xem thông tin.  2c. Chủ trọ ấn vào nút “Add” để tạo thông tin khách hàng mới.  3a. Chủ trọ chỉnh sửa thông tin và ấn “Save”  3b. Chủ trọ ấn “Close” để đóng trang thông tin.  3c. Chủ trọ nhập thông tin và ấn “Create” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện danh sách thông tin nhân viên.  2a.1. Hệ thống hiển thị thông tin nhân viên để chỉnh sửa.  2b.1. Hệ thống hiển thị thông tin nhân viên.  2c.1. Hệ thống hiển thị trang nhập thông tin nhân viên mới.  3a.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo chỉnh sửa thành công.  3c.1. Hệ thống lưu dữ liệu và hiện thông báo tạo thành công. |
| **Ngoại lệ** | 2a. Nhập thông tin sai  2c. Nhập thông tin sai | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mã usecase** | UC26. | |
| **Tên usecase** | Xem thông tin nhân viên | |
| **Ngữ cảnh** | Nhân viên muốn xem thông tin của bản thân | |
| **Mô tả** | Nhân viên xem thông tin của bản thân | |
| **Tác nhân** | Nhân viên | |
| **Sự kiện kích hoạt** | Nhân viên xem thông tin của bản thân | |
| **Điều kiện tiên quyết** | + Nhân viên truy cập vào được website.  + Nhân viên đã đăng nhập vào hệ thống. | |
| **Kết quả** | Nhân viên xem thông tin của bản thân thành công | |
| **Luồng sự kiện** | **Actor** | **System** |
| 1. Nhân viên chọn “My Infor” | 1.1 Hệ thống hiển thị giao diện thông tin của nhân viên. |
| **Ngoại lệ** | Không | |